

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1032 / TLĐ

Về việc thống nhất nội dung trong
công tác tuyên truyền

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2014

Kính gửi: - Các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố;
- Các Công đoàn ngành Trung ương và tương đương;
- Công đoàn TCTy trực thuộc TLĐ;
- Các cơ quan báo chí trong hệ thống Công đoàn.

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1032

Ngày 21 tháng 7 năm 2014

6 tháng đầu năm 2014, công tác Tuyên giáo Công đoàn diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong các cấp công đoàn và CNVCLĐ. Nội dung, hình thức tuyên truyền có nhiều đổi mới, nội dung đa dạng, phong phú, thu hút đông đảo CNVCLĐ và nhân dân cả nước tham gia, hưởng ứng.

Phát huy những kết quả đạt được thời gian qua, 6 tháng cuối năm 2014, các cấp công đoàn tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại cơ sở nhằm tạo thêm nhiều “Ngày hội”, “Sân chơi” cho CNVCLĐ, góp phần khẳng định sự lớn mạnh Công đoàn Việt Nam – 85 năm xây dựng và phát triển, Tổng Liên đoàn thống nhất một số nội dung trong công tác tuyên truyền như sau:

1. Sử dụng mẫu huy hiệu Công đoàn Việt Nam phục vụ cho công tác tuyên truyền, khánh tiết tại địa phương, ngành, cơ sở thống nhất theo Điều 8, Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XI. Với các đặc điểm như sau:

- Bánh xe răng công nghiệp màu đen (có số lượng 13 răng không bị che lấp) đặt ở trung tâm quả địa cầu.
- Phía bên trên bánh xe răng có Quốc kỳ Việt Nam, lá cờ màu đỏ tươi, ngôi sao vàng tươi ở chính giữa lá cờ.
- Thuộc cặp màu đen đặt bên trong bánh xe răng công nghiệp, trên nền màu xanh da trời.
- Quyển sách màu trắng đặt chính giữa, phía trước, bên dưới bánh xe răng.
- Phần đế dưới quả địa cầu có chữ “TLĐ” trên nền dải cuốn cách điệu màu xanh công nhân.
- Đường kính tuyến, vĩ tuyến của quả địa cầu màu trắng, trên nền màu vàng kim loại.

Các địa phương, ngành, đơn vị có nhu cầu đặt mẫu huy hiệu Công đoàn đăng ký với Ban Tuyên giáo về số lượng, kích thước để thống nhất sử dụng trong toàn hệ thống Công đoàn.

CÔNG
VIỆT
NAM

2. Các cấp công đoàn căn cứ Đề cương tuyên truyền 85 năm Công đoàn Việt Nam để tuyên truyền. (Đề cương tuyên truyền được đăng tải trên Website của Tổng Liên đoàn. <http://www.congdoanvn.org.vn>).

3. Tổ chức tuyên truyền và vận động các tập thể, cá nhân chung tay đóng góp kinh phí, vật chất xây dựng Công viên tưởng niệm các chiến sỹ Gạc Ma tại Nha Trang, Khánh Hòa. Đây là hoạt động thiết thực, có ý nghĩa nhằm tri ân và ghi công các anh hùng liệt sỹ đã hy sinh bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

4. Đề nghị các Liên đoàn Lao động địa phương, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn lưu ý việc mua các ấn phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, hoạt động công đoàn thống nhất sau khi có ý kiến và chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam .

Nhận được công văn này, đề nghị các Liên đoàn Lao động địa phương, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chỉ đạo thực hiện. **N**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực ĐCT (B/c);
- Ban Tuyên giáo TLD;
- Lưu VT.

**TL.ĐOÀN CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN TUYÊN GIÁO**



Nguyễn Văn Đông

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

---***---

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN 85 NĂM NGÀY

THÀNH LẬP TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM (28/7/1929 – 28/7/2014)

I. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Ngày 1/9/1858 thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam, đánh dấu bằng sự kiện đổ quân lên bán đảo Sơn Trà thuộc Đà Nẵng. Mục đích xâm lược của thực dân Pháp là chiếm Việt Nam làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, khai thác tài nguyên và bóc lột nhân công rẻ mạt; chiếm Việt Nam làm căn cứ quân sự của Pháp tại vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, đến những năm cuối thế kỷ 19, chính sách khai thác thuộc địa Đông Dương bắt đầu được thực hiện, tinh thần cơ bản là thị trường Đông Dương phải được đặc biệt dành riêng cho Pháp.

Năm 1888, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho địa chủ, thực dân được quyền lập các đồn điền ở những vùng mà chúng gọi là “đất vô chủ”. Năm 1897, triều đình Huế ký điều ước nhượng cho thực dân Pháp quyền khai khẩn đất hoang. Cái gọi là “đất hoang”, “đất vô chủ” thực ra là những vùng đất màu mỡ của nông dân mà chúng đuổi đi bằng nhiều cách để chiếm đoạt, thiết lập các đồn điền trồng các loại cây công nghiệp, làm xuất hiện lao động làm thuê trong các đồn điền và hình thành đội ngũ công nhân đồn điền. Tuy nhiên, công nhân làm việc trong các đồn điền ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX là công nhân chưa thuần nhất. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong quá trình tư bản Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ I (từ năm 1897 đến năm 1914). Sự hình thành các khu công nghiệp như khu mỏ Quảng Ninh và một số khu sản xuất công nghiệp ở Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh - Bến Thủy đã làm cho công nhân tập trung với số lượng lớn.

Những năm 1914 – 1918, để phục vụ cho chiến tranh, thực dân Pháp tăng cường bóc lột công nhân, tăng thời gian làm việc, chậm trả lương, nâng cao định mức khoán việc, nên phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh ở các khu mỏ ở Yên Bái, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Đông Triều, Hòn Gai v.v... dưới nhiều hình thức như bỏ việc, đình công, đổ hàng chục xe than trộn lẫn với đất đá.

Từ năm 1922 đến năm 1925, các cuộc đấu tranh có tính tự phát của công nhân ngày càng giảm bớt, thay vào đó công nhân đã tăng cường dùng lý lẽ, đấu tranh có tổ chức để chống lại chủ và tay sai của chúng

Các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1926 và năm 1927 có hai đặc điểm mới: 1) Đấu tranh đòi tăng lương nhất loạt; 2) Đấu tranh đòi ngày làm tám giờ. Điều này chứng tỏ phong trào công nhân có bước phát triển mạnh mẽ, từ chỗ

đấu tranh buộc chủ phải thực hiện những điều quy định trong giao kèo, tiến lên đấu tranh chống lại các hình thức áp bức, bóc lột của giới chủ; ý thức giai cấp, tính tổ chức và tinh đoàn kết trong đấu tranh của giai cấp công nhân ngày càng tiến bộ.

II. SỰ RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Trước sự bóc lột thậm tệ và đàn áp dã man của tư bản thực dân, công nhân nước ta đã tự tổ chức nhau lại để đấu tranh giành và bảo vệ quyền lợi thiết thân. Hội Ái hữu đầu tiên được công khai thành lập theo Quyết định của Thống sứ Bắc Kỳ vào năm 1906.

Hội Ái hữu những người lao động chân tay Đông Dương ở Pháp thành lập vào tháng 12 năm 1922 chủ yếu là người Bắc Kỳ. Thủy thủ Việt Nam cũng lập ra Công hội thủy thủ, một tổ chức có khuynh hướng cộng sản.

Năm 1925 có thêm Hội những người lao động trí óc Đông Dương. Đến năm 1927, ở Mác-xây, thủy thủ lại lập ra Hội bệnh vực lao động An Nam. Vấn đề thống nhất tổ chức và hành động giữa các Hội công nhân đã trở nên cấp thiết. Hội sinh viên cùng đại biểu các tổ chức thủy thủ, lao động trí óc họp ở Mác-xây thống nhất thành lập tổ chức chung là Hội liên hiệp lao động Đông Dương.

Do những thuận lợi có tính đặc thù và lịch sử, nhất là khi được tiếp xúc với phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, một số công nhân Việt Nam đã học được những kinh nghiệm đầu tiên về đấu tranh công đoàn, hiểu biết về Đảng Cộng sản, về chủ nghĩa Lênin và Quốc tế thứ ba¹.

Những công nhân, thủy thủ từng gia nhập các công đoàn ở nước ngoài đã đem kinh nghiệm tổ chức công hội về nước để lập ra các công hội mới. Tiêu biểu nhất là sự ra đời của Công hội Ba Son do Tôn Đức Thắng thành lập. Số lượng công hội lúc này còn ít, nhưng là những công hội đầu tiên chịu ảnh hưởng của tư tưởng công đoàn cách mạng và cũng là những mầm mống quan trọng cho phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam.

Những năm 1928-1929, chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam đã làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Nhờ tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm đấu tranh của công nhân thế giới nên giai cấp công nhân Việt Nam đã rút ngắn thời kỳ đấu tranh tự phát để sớm tiến lên trình độ tự giác. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng để đưa phong trào tiếp tục đi lên.

¹ Đỗ Quang Hưng, *Công hội đỏ Việt Nam*. NXB Lao động, Hà Nội, 1989, Tr. 87-91.

Tháng 3 năm 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ đã họp tại số nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội, thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Ngày 17 tháng 6 năm 1929, đại biểu từ các tổ chức Cộng sản được thành lập ở các tỉnh Bắc Kỳ đã họp tại số nhà 312 Khâm Thiên, Hà Nội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

Quá trình hình thành và ra đời của tổ chức Công đoàn Việt Nam gắn liền với tên tuổi và cuộc đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) - lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Những năm tháng hoạt động trong phong trào công nhân và Công đoàn Quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu hình thức tổ chức Công đoàn ở các nước tư bản, thuộc địa và nửa thuộc địa. Từ đó rút ra kinh nghiệm hoạt động Công đoàn nói chung và hình thức tổ chức cho Công đoàn Việt Nam nói riêng.

Trong tác phẩm "Đường Kách mệnh", Người viết: *"Tổ chức Công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn quyền lợi cho công nhân, năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới"*.²

Quá trình Người chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập một chính Đảng vô sản cũng là quá trình Người xây dựng cơ sở lý luận và biện pháp tổ chức Công đoàn Cách mạng.

Ngày 28 tháng 7 năm 1929, theo quyết định của Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh triệu tập Hội nghị đại biểu Công hội đỏ Bắc Kỳ lần thứ nhất, họp tại số 15 Hàng Nón, Hà Nội. Tới dự Hội nghị có đại biểu Tổng công hội các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Đông Triều - Mạo Khê. Hội nghị đã nhất trí thông qua chương trình, điều lệ và phương hướng hoạt động của Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ và bầu ra Ban Chấp hành lâm thời do Nguyễn Đức Cảnh phụ trách và các uỷ viên như Trần Hồng Vận, Trần Văn Các, Nguyễn Văn Đoài, Nguyễn Huy Thảo... Đại hội quyết định xuất bản báo "Lao động" làm cơ quan thông tin, tuyên truyền và tạp chí "Công hội đỏ" làm cơ quan truyền bá lý luận của Công hội đỏ trong giai cấp công nhân. Tổng công hội đỏ Bắc Kỳ là tổ chức duy nhất ở cấp xứ, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc ấy.

Đầu năm 1930, hầu hết các thành phố và khu công nghiệp lớn đều có tổ chức Công hội đỏ. Phong trào công nhân ngày càng phát triển về cả hai mặt đấu tranh và tổ chức, đòi hỏi cần có tổ chức cộng sản lãnh đạo thống nhất. Lúc này, ở Việt Nam

² Cốc tổ chức tiền thân của Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Trung ương Đảng xuất bản, Hà Nội 1977, trang 63.

xuất hiện thêm hai Đảng Cộng sản vào cuối năm 1929, đó là An Nam Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ở Trung Kỳ. Trước tình hình ấy, tháng 10 năm 1929, Quốc tế cộng sản gửi thư vào kêu gọi ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam thống nhất về tổ chức và hành động.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự kiện này là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào công nhân phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

III. HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1945

Cuộc khủng hoảng kinh tế các nước tư bản bắt đầu từ năm 1929 đã ảnh hưởng trực tiếp đến nước Pháp và thuộc địa của Pháp, trong đó có Việt Nam. Hàng vạn công nhân không có việc làm. Chính quyền thuộc địa trút mọi hậu quả của khủng hoảng kinh tế lên đầu nhân dân Việt Nam mà trước hết là công nhân và nông dân.

Trong điều kiện đó, bất chấp sự kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp, Công hội đỏ vẫn tích cực tuyên truyền, vận động, tổ chức công nhân, lao động liên tục đấu tranh chống áp bức bóc lột. Công hội đỏ lãnh đạo công nhân đoàn kết cùng nhân dân lao động đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 -1931, với trận ra quân đầu tiên của công nhân Nhà máy Xe lửa Trường Thi, Nhà máy Cưa, Nhà máy Diêm Bến Thủy (thành phố Vinh – Nghệ An) đúng vào ngày 1 tháng 5 năm 1930.

Từ giữa năm 1931, Xô viết Nghệ Tĩnh bị thực dân Pháp dùng lực lượng quân sự lớn đàn áp nhưng các cơ sở Công hội đỏ còn lại vẫn tổ chức các cuộc đấu tranh kinh tế của thợ thuyền.

Giai đoạn 1932-1935 là giai đoạn đầy thử thách ác liệt đối với tổ chức Công hội đỏ, một đoàn thể cách mạng non trẻ của giai cấp công nhân Việt Nam. Vượt lên trên những khó khăn, Công hội đỏ đã đóng vai trò xuất sắc trong cuộc vận động công nhân đấu tranh, góp phần củng cố lực lượng, từng bước gây dựng lại phong trào. Khi điều kiện khách quan cho phép, tổ chức Công hội kịp thời nắm bắt và lãnh đạo phong trào công nhân, thúc đẩy các cuộc đấu tranh lên một quy mô rộng lớn trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936-1939.

Đầu năm 1937, công nhân đấu tranh sôi sục đòi quyền tự do lập nghiệp đoàn. Ở Hà Nội, Sài Gòn, Vinh... mặc dù bọn phản động thuộc địa ngăn cản, nhiều nghiệp đoàn vẫn được thành lập và hoạt động công khai, báo chí được xuất bản và công khai tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin. Chưa giành được quyền tự do

nghiệp đoàn đều khắp, thì công nhân thành lập Hội Ái hữu thay thế. Nên tên gọi tổ chức của công nhân lúc này thường mang tên tổ chức song trùng là "Nghịệp đoàn - Ái hữu". Hoạt động sôi nổi của Hội Ái hữu và nghịệp đoàn (dưới danh nghĩa Ái hữu) làm cho bọn tư bản thực dân hết sức lo sợ.

Giai cấp công nhân dưới sự tổ chức, vận động của Hội Ái hữu thời kỳ 1936 - 1939 đã tận dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp kết hợp với hoạt động bí mật để phát triển tổ chức và đấu tranh. Đây là một thời kỳ vận động cách mạng sôi nổi và thắng lợi chưa từng thấy dưới thời Pháp thống trị, nhằm đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Có được những thắng lợi lớn lao như thế, chủ yếu là do giai cấp công nhân đã được đoàn kết trong tổ chức Công hội dưới tên gọi mới là Nghịệp đoàn - Ái hữu có tinh thần đấu tranh quyết liệt và có ý thức tổ chức, kỷ luật cao. Đồng thời, kiên trì đấu tranh chống lại sự chia rẽ của bọn phản động để mở rộng đoàn kết với nhiều tầng lớp nhân dân trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm chia mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chung là bọn thực dân phản động Pháp và phong kiến tay sai.

Tháng 9 năm 1939, Mặt trận Bình dân ở Pháp tan vỡ, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương trở tay đàn áp phong trào Dân chủ ở Đông Dương, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ, tự do nghịệp đoàn cùng với những luật lệ lao động đã ban bố, tịch thu báo chí có xu hướng cách mạng. Ngày 28 tháng 9 năm 1939 chúng ra lệnh giải tán các Hội Ái hữu, Nghịệp đoàn có liên quan đến Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ trong tháng 9 năm 1939 đã có 2.000 cán bộ Nghịệp đoàn, Ái hữu đã bị bắt giam.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ. Để phù hợp với tình hình mới, tổ chức Nghịệp đoàn, Hội Ái hữu phải rút vào hoạt động bí mật và lấy tên là "Hội công nhân phản đế" nằm trong Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Tháng 5 năm 1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Mặt trận Việt Minh được thành lập, các hội quần chúng trở thành hội cứu quốc. Theo đó Hội Công nhân phản đế trở thành Hội Công nhân cứu quốc.

Năm 1942, phong trào bãi công nhiều hơn năm 1941.

Năm 1943, chính phủ phát xít ở Pháp sụp đổ. Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật cũng bị những thất bại lớn. Trước diễn biến của chiến cục thế giới, Hội nghị trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 2-1943 đã đề ra nhiệm vụ cho giai cấp công nhân là tích cực tham gia khởi nghĩa, trước hết ở những nơi huyết mạch của quân thù như các thành phố, nhà máy, vùng mỏ, đồn điền.

Từ năm 1943 trở đi, các xí nghiệp lớn như dệt, xi măng, sửa chữa cơ khí... đã bị máy bay đồng minh Anh, Mỹ oanh tạc, phải ngừng sản xuất hoặc phải phân tán về các thị trấn. Những cơ sở tập trung đông công nhân thường là những xí nghiệp phục vụ nhu cầu hậu cần của quân đội Nhật

Từ năm 1944 cho đến cuộc chính biến của Nhật 9-3-1945, tháng nào cũng nổ ra đấu tranh của công nhân. Ngoài ra công nhân và Hội công nhân cứu quốc còn có những hình thức đấu tranh chính trị và nửa vũ trang để tiến tới giành chính quyền.

Từ giữa tháng 3 năm 1945, phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh mẽ và ở nhiều địa phương đã kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Trước khí thế cách mạng đang dâng lên, ngày 15 tháng 4 năm 1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự Bắc Kỳ ở Hiệp Hòa (Bắc Giang) để chuẩn bị tích cực cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Thời kỳ chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám kéo dài trong sáu năm (tháng 9 năm 1939 đến tháng 8 năm 1945). Trong thời gian đó, Công đoàn Việt Nam đã tập hợp công nhân đấu tranh chống chính sách bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật, tham gia phong trào "Kháng Nhật Cứu quốc" do Tổng bộ Việt Minh phát động, tham gia các hoạt động của Mặt trận Việt Minh, đoàn kết đông đảo công nhân tích cực chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Tháng 4 năm 1945, Xứ uỷ Nam Kỳ quyết định thành lập Tổng Công đoàn Nam Kỳ và xác định mục tiêu là: đấu tranh cho hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ trong một thời gian ngắn hoạt động, Tổng Công đoàn Nam Kỳ đã có 115.000 đoàn viên ở 200 xí nghiệp³.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh. Mặc dù chưa chính thức được lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương, công nhân và lao động nhiều thành phố đã chủ động nổi dậy theo tinh thần bản chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở các thành phố, khu công nghiệp đã diễn ra nhanh chóng, sôi nổi khắp cả nước

Từ 19 đến 25 tháng 8 năm 1945, công nhân trong các nhà máy, hầm mỏ đã đứng lên giành chính quyền. Đây là một biểu hiện sáng ngời về tính chủ động sáng tạo và tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là kết quả của sự kết hợp giữa phong trào công nhân và nhân dân lao động thành thị với phong trào nông dân ở nông thôn trong Mặt trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

³ Hoàng Quốc Việt, Những nét sơ lược về lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1959, tr.17.

Chỉ trong 2 tuần, bộ máy chính quyền thực dân phong kiến bị đập tan. Chiều ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại cuộc mít tinh ở Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước đông đảo nhân dân Thủ đô và các vùng lân cận tham dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là thắng lợi lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam, trong đó lực lượng đi đầu và nòng cốt là giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.

Trong suốt giai đoạn 1930-1945, dù cho tên gọi khác nhau, hình thức hoạt động lúc bí mật, lúc công khai, dù chưa có điều kiện thống nhất tổ chức trong cả nước, nhưng được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng cộng sản Đông dương, Công đoàn Việt Nam thật sự là trung tâm đoàn kết của công nhân lao động Việt Nam. Từ 6.000 đoàn viên năm 1930, năm 1945 số đoàn viên đã lên tới hơn 200.000 người, đóng vai trò to lớn trong việc giành chính quyền ở các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám năm 1945.

IV. HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

Đầu năm 1946, Hội nghị đại biểu công nhân cứu quốc đã quyết định chuyển Hội công nhân cứu quốc thành công đoàn. Ngày 20-7-1946 tại Nhà hát lớn Hà Nội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chính thức ra mắt với hơn 20 vạn đoàn viên.

Trong năm đầu đất nước giành độc lập, tổ chức công đoàn và giai cấp công nhân Việt Nam đã có nhiều đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ và phát huy thành quả của Cách mạng Tháng Tám: tham gia tích cực vào cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá I đã thông qua Dự án Luật Lao động. Dự án này có sự đóng góp quan trọng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trước khi trình Quốc hội.

Đêm ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Ngày 11-12-1947, Hội nghị Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã quyết định: “nhanh chóng tập hợp, động viên công nhân, lao động cả nước dồn sức và xây dựng những cơ sở sản xuất mới ở các chiến khu để vừa sản xuất vừa chiến đấu.”

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã phát động phong trào thi đua yêu nước, động viên công nhân lao động, khắc phục khó khăn, sản xuất nhiều vũ khí đạn dược và hàng hoá phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Yêu cầu của sự nghiệp “kháng chiến kiến quốc”

dòi hỏi phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn phải có sự chuyển biến cao hơn, cả trong nhận thức và hành động.

Đại hội lần thứ I Công đoàn Việt Nam đã họp từ ngày 1 đến ngày 15-1-1950. Mục tiêu của Đại hội là: “Động viên công nhân viên chức cả nước, nhất là công nhân ngành Quân giới sản xuất nhiều vũ khí, khí tài phục vụ cho kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi”.

Trong những năm 1951 – 1952, phong trào công nhân và hoạt động công đoàn ở vùng địch tạm chiếm đã có bước phát triển mới. Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc là một.

Thắng lợi quân sự trên toàn chiến trường trong Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, là cơ sở quan trọng cho việc ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. Cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược đã giành được thắng lợi. Trong chiến thắng chung của dân tộc có những đóng góp to lớn của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn.

Từ khi thành lập đến năm 1954, Công đoàn Việt Nam đã tập hợp, đoàn kết, phát huy được vai trò tiên phong và lực lượng nòng cốt của giai cấp công nhân vượt qua khó khăn, gian khổ, hy sinh, đấu tranh kiên cường, cùng nhân dân cả nước vùng lên làm Cách mạng tháng Tám thắng lợi, lật đổ ách thống trị của bọn phát xít, thực dân, phong kiến tay sai, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam đã sát cánh cùng nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Công đoàn Việt Nam đã động viên công nhân, viên chức lao động cả nước xây dựng nhà máy, công xưởng, sản xuất vũ khí, khí tài, phục vụ chiến đấu lâu dài; vận động công nhân, viên chức, lao động tích cực tham gia trên mặt trận giao thông vận tải; sản xuất lương thực, thực phẩm, thực hành tiết kiệm, phục vụ nhân dân và bộ đội trong cuộc kháng chiến trường kỳ. Công đoàn Việt Nam đã góp phần tích cực vào chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, kết thúc vẻ vang 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp đầy hy sinh, gian khổ và anh dũng của dân tộc Việt Nam.

VI. HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM THỜI KỶ 1954 – 1975:

Tháng 9 năm 1957, Kỳ họp thứ 7 Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua Luật Công đoàn. Luật quy định rõ vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức công đoàn, mối quan hệ giữa công đoàn và các cơ quan xí nghiệp tư bản tư doanh; những phương tiện hoạt động của công đoàn.

Trong 10 năm (1965-1975), hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ công đoàn tiếp tục được củng cố và phát triển. Do yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước,

Tổng Công đoàn và các Liên hiệp Công đoàn tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị cơ sở chuyên hướng hoạt động, tăng cường củng cố và điều chỉnh nội dung sinh hoạt của công đoàn cơ sở. Cán bộ công đoàn ở những nơi có chiến sự ác liệt đã luôn vững vàng gương mẫu, đi đầu trong tổ chức sản xuất, chiến đấu, chăm lo đời sống cho công nhân, viên chức.

Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ II đã họp từ ngày 23 đến ngày 27/2/1961. Đồng chí Trần Danh Tuyên được bầu làm Tổng Thư ký. Mục tiêu của Đại hội là: “Động viên cán bộ, công nhân, viên chức thi đua lao động sản xuất, xây dựng CNXH ở miền Bắc, với tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà”.

Đại hội lần thứ III Công đoàn Việt Nam đã họp từ ngày 11 đến ngày 14/2/1974. Đại hội đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà làm Chủ tịch danh dự. Đồng chí Hoàng Quốc Việt được bầu làm Chủ tịch. Mục tiêu Đại hội là: “Động viên sức người, sức của chi viện cho chiến trường, tất cả để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước”.

Sau 5 năm hoạt động (1954 – 1960), tổ chức Công đoàn Việt Nam đã được xây dựng, củng cố phù hợp với yêu cầu mới, bước đầu phát huy được vai trò của mình trong việc tập hợp, vận động công nhân, viên chức tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển nền kinh tế ở miền Bắc làm căn cứ địa vững chắc cho miền Nam chống Mỹ, Ngụy. Tuy vậy, tổ chức Công đoàn vẫn còn có những yếu kém, bất cập như: Công đoàn cơ sở là nơi trực tiếp gắn bó với đoàn viên, công nhân, viên chức, nơi trực tiếp thực hiện các chính sách chế độ lao động, nhưng chưa được coi trọng đúng mức; việc chỉ đạo xây dựng công đoàn cơ sở còn thiếu nội dung cụ thể; Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công đoàn chưa có chính sách và kế hoạch cụ thể; Hệ thống tổ chức và bộ máy công đoàn các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu mới của phong trào công nhân và hoạt động công đoàn. Phong trào công đoàn chưa tập trung vào thực hiện nhiệm vụ chính trị là cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ngày 17/4/1961, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tại căn cứ Suối Mây, chiến khu D, tỉnh Tây Ninh, Hội lao động giải phóng miền Nam ra đời (sau đổi tên là Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam). Năm 1962, Hội lao động giải phóng được Liên hiệp Công đoàn thế giới công nhận là thành viên chính thức

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), các cấp công đoàn đã tổ chức nhiều phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân, viên chức. Trong đó coi trọng thi đua tập thể mà tiêu biểu là xây dựng các tổ đội lao động tiên

te

tiến, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Đánh giá những thành tựu đạt được trong 2 năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Hội nghị đại biểu Công đoàn toàn miền Bắc lần thứ II nhấn mạnh: "Trong các ngành công nghiệp, phong trào thi đua Duyên Hải đã đi sâu hơn vào nội dung hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật phát huy hàng vạn sáng kiến, các nông trường, lâm trường quốc doanh đã đi vào hợp lý hoá tổ chức lao động, cải tiến công cụ, đạt nhiều năng suất mới..."⁽⁴⁾.

Trong giai đoạn 1961 - 1965, công nhân, viên chức miền Bắc đã khắc phục nhiều trở ngại, khó khăn, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng miền Nam. Đến đầu năm 1965, toàn miền Bắc có 1.045 xí nghiệp công nghiệp, trong đó có 250 xí nghiệp lớn do Trung ương quản lý. Một số cơ sở đầu tiên của ngành công nghiệp nặng quy mô tương đối lớn như cơ khí, luyện kim, hoá chất... đã được xây dựng và đi vào sản xuất. Nhiều nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng đã được xây dựng. Mạng lưới công nghiệp địa phương đã có bước phát triển mới. Tỷ trọng công nghiệp trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp đã tăng lên 53%. Công nghiệp của miền Bắc đã đảm bảo được 90% hàng tiêu dùng thiết yếu và một phần tư liệu sản xuất⁵. Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có sự đóng góp to lớn của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Trong giai đoạn 1965 - 1968, phong trào CNVC và hoạt động công đoàn đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyên hướng xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến; vừa sản xuất, bảo vệ sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Mặc dù, trong điều kiện chiến tranh diễn ra ác liệt, các cấp công đoàn đã động viên, khuyến khích CNVC không quản ngại gian khổ, hy sinh, tham gia các đội tự vệ, kiên trì bám trận địa chiến đấu bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, bảo vệ nhà máy xí nghiệp, thực hiện kế hoạch sản xuất, phục vụ tốt nhất yêu cầu nhiệm vụ đột xuất đề ra... Trên mặt trận sản xuất và chiến đấu, cán bộ đoàn viên công đoàn đã lao động quên mình với tinh thần "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tất cả cho tiền tuyến". Hàng vạn cán bộ đoàn viên công đoàn và thanh niên công nhân đã lên đường tòng quân, tham gia chiến đấu trong các đơn vị chủ lực bắn máy bay, tàu chiến của đế quốc Mỹ, hành quân vượt Trường Sơn vào miền Nam, sát cánh cùng quân và dân miền Nam đánh Mỹ. Đã xuất hiện ngày càng nhiều gương cá nhân, tập thể điển hình, tiên tiến, những cá nhân và đơn vị anh hùng tiêu biểu cho phong trào thi đua "tay búa, tay

(4) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: Hội nghị đại biểu Công đoàn miền Bắc tháng 12-1963. Số 03, Lưu trữ TLD.

⁵. TLĐLĐVN, Lịch sử PTCN và Công đoàn Việt Nam, tập II, NXB. Lao động, Hà Nội, 2004.

súng”, “thanh niên ba sẵn sàng”, “phụ nữ ba đảm đang”.

Trên cơ sở phát triển Hội lao động giải phóng, những năm từ 1965-1970 đã hình thành Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam, có hệ thống tổ chức trong toàn miền. Trong cuộc nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Công đoàn giải phóng vận động công nhân lao động ở hầu khắp các đô thị nhất loạt nổi dậy phối hợp với các lực lượng vũ trang tiêu diệt địch giành quyền làm chủ.

Đánh giá phong trào thi đua của CNVC và hoạt động công đoàn giai đoạn 1974-1975, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Tổng Công đoàn khóa III khẳng định hoạt động công đoàn đã góp phần thiết thực vào việc khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá ở miền Bắc và giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà; vào việc từng bước ổn định, cải thiện đời sống, xây dựng đội ngũ GCCN và phát huy vai trò, chức năng tham gia quản lý kinh tế của công đoàn các cấp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III Công đoàn Việt Nam, hoạt động đối ngoại của Công đoàn Việt Nam được đẩy mạnh nhằm tranh thủ sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của lao động và công đoàn các nước trên thế giới đối với việc xây dựng miền Bắc XHCN, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hoạt động quốc tế của Công đoàn Việt Nam đã góp phần tăng cường đoàn kết chiến đấu với nhân dân Lào, Campuchia theo tinh thần Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương, đưa cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia đến thắng lợi hoàn toàn. Cùng cố và phát triển tình đoàn kết, sự hợp tác anh em về mọi mặt với lao động và công đoàn Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác. Tăng cường ủng hộ cuộc đấu tranh của GCCN và nhân dân lao động các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh, các tổ chức công đoàn tiên bộ ở các nước TBCN, chống chủ nghĩa đế quốc cầm đầu là đế quốc Mỹ, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới giành độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Công đoàn Việt Nam đã góp phần tích cực vào việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ của Liên hiệp Công đoàn Thế giới và phong trào công nhân, Công đoàn thế giới vì những mục tiêu và quyền lợi chung của người lao động và tiến bộ xã hội.

VII. HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN THỜI KỲ 1975 - 2014 .

Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ IV đã họp từ ngày 8 đến ngày 11/5/1978. Đại hội đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh (sau này là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng) làm Chủ tịch. Mục tiêu Đại hội là: “Động viên giai

h

cấp công nhân và những người lao động khác thi đua lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá trong cả nước”.

Đại hội lần thứ V Công đoàn Việt Nam tiến hành từ ngày 16 – 18/11/1983. Đại hội đã bầu Đồng chí Nguyễn Đức Thuận là Chủ tịch. Mục tiêu của Đại hội “Động viên công nhân lao động thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng. Phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu”.

Qua 10 năm, đội ngũ công nhân, viên chức đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giữa những năm 1980 nền kinh tế nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng, giá cả hàng hoá, tiêu dùng tăng nhanh, nảy sinh nhiều tiêu cực trong phân phối làm cho đời sống của nhân dân nhất là công nhân, viên chức, lao động gặp nhiều khó khăn.

Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 17 đến ngày 20/10/1988. Đại hội đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Tư làm Chủ tịch. Mục tiêu của Đại hội là: “Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng vì “việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội”.

Đại hội VII Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 9 đến 12/11/1993. Đại hội đã bầu lại đồng chí Nguyễn Văn Tư làm Chủ tịch. Mục tiêu của Đại hội là: “Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo và bảo vệ lợi ích của công nhân lao động”.

Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ VIII đã họp từ ngày 3/11 đến ngày 6/11/1998. Đại hội đã bầu đồng chí Cù Thị Hậu làm Chủ tịch. Mục tiêu của Đại hội là: “Vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh”.

Đại hội IX Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 10 đến ngày 13/10/2003. Đại hội đã bầu lại đồng chí Cù Thị Hậu làm Chủ tịch. Tháng 12/2006, đồng chí Đặng Ngọc Tùng được bầu làm Chủ tịch. Mục tiêu của Đại hội là: “Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ, góp phần tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Đại hội X Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 02 - 05/11/2008. Đại hội đã nhất trí bầu đồng chí Đặng Ngọc Tùng tái đắc cử Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhiệm kỳ (2008-2013). Đại hội đề ra khẩu hiệu hành động: “Đổi mới, sáng tạo; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động, vì sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước”. Đại hội xác định mục tiêu, phương hướng: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp; hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy đoàn viên,

CNVCLĐ làm đối tượng vận động; chuyên mạnh hoạt động công đoàn vào việc tổ chức thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước”.

Đại hội XI Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 2 đến ngày 30 tháng 7 năm 2013. Đại hội đã bầu 172 đồng chí vào Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI. Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa X được bầu lại làm Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI. Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI xác định mục tiêu, phương hướng tổng quát cho hoạt động của tổ chức công đoàn trong những năm 2013 - 2018 là: “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn theo hướng vì đoàn viên và người lao động, vì sự phát triển bền vững của đất nước; hướng mạnh về cơ sở, thực hiện tốt chức năng chăm lo đời sống, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; tham gia có hiệu quả vào công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và tổ chức thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; đẩy mạnh phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội đã đề ra phương châm hành động cho các cấp công đoàn là: “Vì quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động, vì sự phát triển bền vững của đất nước, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn”.

Tóm lại, tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã làm cho giai cấp công nhân Việt Nam có nhiều biến đổi về cơ cấu, số lượng và chất lượng. Xây dựng giai cấp công nhân thành lực lượng đi đầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ cấp bách, một hướng trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Đó cũng là nhiệm vụ nặng nề đặt ra cho công đoàn Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức Công đoàn đã vượt qua nhiều khó khăn, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vị thế của tổ chức công đoàn trong xã hội từng bước được nâng lên. Quan hệ quốc tế của Công đoàn Việt Nam

từng bước được mở rộng. Đội ngũ công nhân, viên chức, lao động nước ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng lãnh đạo, nỗ lực vươn lên trong lao động và công tác... giữ vai trò quyết định thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng, lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những vấn đề có tính chiến lược của phong trào Công đoàn Việt Nam trong 10 năm tới là: Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức hoạt động hướng về cơ sở, chăm lo lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ. Đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Đại diện công nhân, lao động ký kết thoả ước lao động tập thể; Nâng cao chất lượng các phong trào thi đua trong công nhân phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Duy trì, phát triển phong trào học tập nâng cao trình độ học vấn, tay nghề trong công nhân; xây dựng giai cấp công nhân ngày càng phát triển; làm tốt công tác xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Tiếp tục thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập các công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; đẩy mạnh công tác nữ công công đoàn; chú trọng công tác đối ngoại của Công đoàn Việt Nam. Phối hợp với các bộ ngành tham gia hoạch định, sửa đổi, bổ sung và thực hiện luật pháp, chính sách đối với công nhân, lao động; phối hợp hoạt động với các tổ chức chính trị xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nâng cao vị thế, vai trò của Công đoàn trong xã hội.

BAN TUYÊN GIÁO TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM